

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGÔ THÙY KHIÊM

**PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG
KHUYẾT TẬT, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐÀO MỘNG ĐIỆP

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn.....	4
6. Những đóng góp mới của luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn.....	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT	7
1.1. Khái quát về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	7
1.1.1. Khái niệm về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	7
1.1.1.1. Khái niệm nghề.....	7
1.1.1.2. Khái niệm đào tạo nghề.....	7
1.1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.....	7
1.1.2. Đặc điểm về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	7
1.1.2.1. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là quá trình trang bị kiến thức về trình độ chuyên môn nghiệp vụ	7
1.1.2.2. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là trường hợp đào tạo cho đối tượng lao động đặc thù	7
1.1.2.3. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật có những yêu cầu đòi hỏi riêng	8
1.1.3. Vai trò của ĐTN cho LĐKT.....	8
1.2. Khái quát pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	8
1.2.1. Nguyên tắc pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	8
1.2.2. Nội dung pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.....	8
1.2.3. Ý nghĩa của việc điều chỉnh PL đào tạo nghề cho LĐKT	9
Tiểu kết chương 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT, QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	10
2.1. Thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	10
2.1.1. Quy định pháp luật về cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho lao động khuyết tật.....	10
2.1.2. Quy định pháp luật về doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.....	10
2.1.3. Quy định pháp luật về quyền được học nghề của lao động khuyết tật	10

2.1.4. Quy định quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật..	11
2.1.5. Đánh giá thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật....	11
2.1.5.1. Ưu điểm của pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật....	11
2.1.5.2. Hạn chế pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	11
2.2. Thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	12
2.2.1. Tình hình người khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	12
2.2.2. Thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.....	12
2.2.2.1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	12
2.2.2.2. Doanh nghiệp đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động khuyết tật nói riêng.....	12
2.2.2.3. Thực thi quyền của lao động khuyết tật.....	13
2.2.2.4. Quản lý Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nói chung; lao động khuyết tật nói riêng.....	13
2.2.2.5. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.....	14
Tiểu kết Chương 2.....	15
Chương 3. YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT	16
3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	16
3.2. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	16
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật..	16
3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.	17
3.4.1. Nhóm các giải pháp về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	17
3.4.2. Nhóm các giải pháp về các doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	18
3.4.3. Nhóm các giải pháp về đảm bảo quyền học nghề của lao động khuyết tật	18
3.4.4. Nhóm các giải pháp về quản lý nhà nước đối với đào tạo nghề cho lao động khuyết tật	19
Tiểu kết chương 3.....	20
KẾT LUẬN	21

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết, cấp bách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay vì đây là một trong những biện pháp góp phần xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và Công ước quốc tế về người khuyết tật.

Theo Thống kê của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật, nước ta hiện có hơn 8 triệu người khuyết tật, trong số đó có khoảng 30% người khuyết tật vẫn có sức khỏe và có mong muốn tìm việc làm để có thu nhập nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình và hòa nhập với cộng đồng. Nhiều cơ sở đào tạo nghề cho người khuyết tật cũng đã được thành lập, hiện cả nước có 55 cơ sở giáo dục chuyên biệt cho lao động khuyết tật, 200 cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động khuyết tật, trên 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh của người khuyết tật.

Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế, các chỉ tiêu cụ thể về đào tạo nghề được đề cập tại Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án phát triển dạy nghề tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2020. Theo đó, toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2020 lao động qua đào tạo nghề đạt 60% (cả nước 55%); giải quyết việc làm mới trên 14.000 – 16.000 lao động/năm;

Để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu đề ra, một trong những nhiệm vụ chủ yếu được đưa ra là đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng dần lao động qua đào tạo nghề, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ và công nghiệp... và đối tượng lao động là người khuyết tật cũng với tư cách là một trong những chủ thể của lực lượng lao động xã hội, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Ngoài những khó khăn chung của công tác đào tạo nghề như sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ. Một số cơ sở tham gia đào tạo chưa thật sự năng động, tích cực trong việc chuyển mạnh từ đào tạo theo năng lực sẵn có sang hướng đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, đào tạo gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Việc gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước với cơ sở đào tạo nghề, lao động học nghề và doanh nghiệp sử dụng lao động chưa thật sự hiệu quả... thì đối với lao động là người khuyết tật, công tác đào tạo nghề còn gặp những khó khăn như: phần lớn họ

thường mặc cảm và tự ti nên không yên tâm khi xa gia đình đi học nghề. Sự khác nhau về bệnh tật (khiếm thính, khiếm thị, thiếu năng trí tuệ, khuyết tật vận động, nhiễm chất độc da cam...) ảnh hưởng rất lớn đến việc đào tạo nghề, tiếp thu kiến thức của người khuyết tật. Bên cạnh đó, sự thiếu thốn, nghèo nàn về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật cũng gây ra nhiều trở ngại.

Thừa Thiên Huế là tỉnh nằm ở khu vực miền Trung, là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề sau chiến tranh và chịu tác động thường xuyên của thiên tai do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Theo ước tính, Thừa Thiên Huế hiện nay có khoảng 26 cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động khuyết tật. Tuy nhiên, các cơ sở này chủ yếu là các cơ sở tư nhân, cơ sở thuộc các giáo hội, giáo xứ, đào tạo chủ yếu là lồng ghép các nhóm đối tượng. Có rất ít các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động khuyết tật đăng ký hoạt động tại các cơ quan quản lý địa phương, do đó ảnh hưởng đến việc quản lý của các cơ quan chuyên môn tại địa phương cũng như chất lượng đào tạo của các cơ sở này. Lao động khuyết tật sau khi học nghề tại các cơ sở này thường không xin được việc làm do thiếu các kỹ năng cơ bản, không được cấp các chứng chỉ, giấy chứng nhận sau khi tốt nghiệp, học nghề chỉ mang tính chất hình thức, không gắn với việc làm... Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của các cơ sở này nghèo nàn, lạc hậu, không đáp ứng việc học nghề, thực hành nghề, giáo viên thường không được đào tạo bài bản, không đủ các kỹ năng, bằng cấp theo quy định của pháp luật, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tiếp thu kiến thức của đối tượng là người khuyết tật.

Cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự khuyến khích các doanh nghiệp nhận lao động khuyết tật vào học nghề để làm việc tại đơn vị mình; Chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế hiện còn đang gặp nhiều khó khăn về cơ chế, công tác tham mưu chỉ đạo.

Trước những khó khăn, thách thức trên, cũng như các chỉ tiêu, kế hoạch cần phải hoàn thành, vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý của địa phương là phải có định hướng và chính sách phù hợp để quản lý công tác đào tạo nghề cho lao động khuyết tật một cách có hiệu quả nhằm vừa thể hiện được tính nhân văn trong các chính sách của pháp luật của nhà nước, vừa đào tạo được nguồn nhân lực kỹ thuật có tay nghề, phù hợp với sự phát triển của xã hội, đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Chính vì thế nên tôi chọn đề tài **“Pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế”**.

2. Tình hình nghiên cứu

Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động khuyết tật là một trong những chính sách an sinh xã hội mang ý nghĩa nhân văn. Không chỉ trao “cần câu” để lao động là người khuyết tật có nguồn thu nhập, mà qua đó còn góp phần tạo tâm lý lạc quan, vươn lên trong cuộc sống để họ hòa nhập với xã hội.

Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và quốc tế, chất lượng nguồn nhân lực hiện đang là thách thức lớn. Thực trạng ấy đặt ra cho công tác đào tạo nghề nhiều đòi hỏi cấp thiết, nhất là những giải pháp căn bản với tầm nhìn xa, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu cao của thị trường lao động phong phú, đa dạng.

Việc nghiên cứu về pháp luật đối với hoạt động đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là vấn đề mang tính cấp bách, thời sự; do vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài như:

- Mạc Văn Tiên, “*Báo cáo tổng quan về đào tạo nghề ở Việt Nam*”, Tổng cục Dạy nghề.
- Lê Thị Thanh Hà, “*Hoàn thiện chính sách đào tạo nghề ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*”, Luận văn thạc sỹ Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính Quốc gia.
- TS. Đào Mộng Điệp, “*Pháp luật về đào tạo nghề và thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế, năm 2015 – 2016.
- Nguyễn Bích Ngọc, “*Việc làm cho người khuyết tật theo pháp luật Việt Nam hiện hành*”, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Thị Hiền, “*Pháp luật lao động về người khuyết tật*”, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Luật Kinh tế, Đại học Luật, Đại học Huế.
- Nguyễn Thị Bảy, “*Quyền của người khuyết tật trong Luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam – nghiên cứu so sánh*”, Luận văn thạc sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
- Hồ Thị Trâm, “*Pháp luật về việc làm cho người khuyết tật*”, Luận văn thạc sỹ Luật học - Đại học Luật Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thuỳ Dung, “*Chế độ dạy nghề đối với người khuyết tật ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật, Đại học Huế.

Qua tìm hiểu thì hiện nay việc nghiên cứu pháp luật đối với hoạt động đào tạo nghề cho lao động khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa có một công trình, tài liệu nào đề cập đến. Do vậy, có thể

khẳng định đây là luận văn thạc sỹ đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện vấn đề pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn có mục đích nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật ở tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu chính của luận văn là:

+ Làm rõ các vấn đề lý luận về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật và pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật như khái niệm cơ bản làm cơ sở cho việc nghiên cứu pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng như khái niệm người khuyết tật, nghề, đào tạo nghề, pháp luật về đào tạo nghề...

+ Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật;

+ Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Phân tích phương hướng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới;

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

+ *Về thời gian*: Luận văn nghiên cứu thực trạng áp dụng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật từ năm 2015 đến năm 2017

+ *Về không gian*: Luận văn nghiên cứu thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được hình thành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật và những quan điểm, chính

sách của Đảng, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về đào tạo nghề thời kỳ đổi mới.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong qua trình nghiên cứu, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, sau đó tổng hợp, liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý luận mới đầy đủ và sâu sắc về pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.

Bên cạnh đó, với việc sử dụng phương pháp này, luận văn chỉ ra một số điểm chưa hợp lý, thiếu thống nhất trong các quy định về pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật của pháp luật Việt Nam so với pháp luật các nước trên Thế giới.

- Phương pháp lịch sử được áp dụng trong việc nghiên cứu bằng cách đi tìm nguồn gốc phát sinh, quá trình phát triển Bộ luật Lao động trong từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước từ đó rút ra bản chất, tính phù hợp, vai trò và ý nghĩa của các quy định.

Ngoài ra, những phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế, xã hội với từng vấn đề của đề tài cũng được vận dụng như: so sánh, thống kê, đối chiếu, diễn giải, quy nạp... để nghiên cứu về thực trạng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật ở Việt Nam và tham khảo các quy định pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật của các nước trên thế giới.

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Về lý luận

Luận văn hệ thống, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động người khuyết tật; vận dụng vào pháp luật đào tạo nghề cho lao động người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6.2. Về thực tiễn

+ Nghiên cứu làm rõ được thực trạng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật;

+ Phân tích, đánh giá thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian qua;

+ Phân tích làm rõ phương hướng, yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật;

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục; nội dung của luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

- *Chương 1.* Một số vấn đề lý luận pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.
- *Chương 2.* Thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- *Chương 3.* Phương hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT

1.1. Khái quát về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

1.1.1. Khái niệm về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

1.1.1.1. Khái niệm nghề

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội. Từ cách hiểu trên cho thấy, nghề là kết quả của sự phân công lao động xã hội, xã hội phát triển thì ngành nghề cũng thay đổi theo nhằm phù hợp với nhu cầu đa dạng của sự tồn tại xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm đào tạo nghề

Khái niệm ĐTN cũng được Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) quy định như sau: “ĐTN là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp”¹.

1.1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

ĐTN cho LĐKT là quá trình trang bị kiến thức nhất định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng để họ có thể đảm nhận một công việc nhất định khi tham gia quan hệ lao động.

1.1.2. Đặc điểm về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

1.1.2.1. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là quá trình trang bị kiến thức về trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Hoạt động ĐTN cho LĐKT quan trọng trước tiên chính là “nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp”².

1.1.2.2. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật là trường hợp đào tạo cho đối tượng lao động đặc thù

ĐTN cho LĐKT không chỉ vì lợi ích của bản thân đối tượng này mà còn vì lợi ích của toàn xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi công sức đóng góp của toàn xã hội, đòi hỏi phải phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, mọi lực lượng lao động. Với

¹ Điều 3, khoản 2 Luật GDNN 2014

² Khoản 2, Điều 3 Luật GDNN năm 2014

mục tiêu xây dựng các chính sách kinh tế, xã hội, phát triển đất nước vì con người, cho con người thì việc xây dựng chính sách ĐTN đối với LĐKT - đối tượng yếu thế của xã hội cần được đặc biệt quan tâm.

1.1.2.3. Đào tạo nghề cho lao động khuyết tật có những yêu cầu đòi hỏi riêng

ĐTN giữ vai trò quan trọng, là kênh trực tiếp để tạo nguồn nhân lực bổ sung vào thị trường lao động cho người lao động nói chung và lao động là NKT nói riêng. ĐTN có yêu cầu riêng về cơ sở vật chất, về giáo viên, chương trình và kinh phí.

1.1.3. Vai trò của ĐTN cho LĐKT

ĐTN giữ vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt đối với phát triển vốn con người, nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thực hiện công bằng xã hội và góp phần phát triển kinh tế bền vững. Phát triển nguồn nhân lực được xem như là một chiến lược quan trọng trong phát triển KT-XH của một quốc gia. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, quá trình hội nhập toàn cầu được xem là một thách thức không nhỏ cho quá trình đào tạo nguồn nhân lực.

1.2. Khái quát pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

1.2.1. Nguyên tắc pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Ngoài những nguyên tắc chung về đào tạo nghề, ĐTN cho LĐKT còn phải tuân thủ những nguyên tắc mang tính đặc thù sau:

Thứ nhất, nguyên tắc hỗ trợ và tạo điều kiện cần thiết để LĐKT có thể tham gia học nghề.

Thứ hai, nguyên tắc đề cao và khuyến khích giáo dục hòa nhập cộng đồng.

1.2.2. Nội dung pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Tuỳ theo hệ thống PL của các quốc gia mà PL điều chỉnh về ĐTN khác nhau. Về cơ bản, PL về ĐTN cho LĐKT tập trung quy định những vấn đề sau:

Thứ nhất, nhóm các quy định về cơ sở GDNN cho LĐKT

Thứ hai, nhóm các quy định về DN với hoạt động ĐTN cho lao động nói chung và LĐKT nói riêng

Thứ ba, nhóm các quy định về quyền của LĐKT

Thứ tư, nhóm các quy định quản lý nhà nước về ĐTN cho LĐKT

1.2.3. Ý nghĩa của việc điều chỉnh PL đào tạo nghề cho LĐKT

ĐTN cho LĐKT có tầm quan trọng đặc biệt vừa có tính nhân văn vừa có tính xã hội rất cao, có vai trò quan trọng đối với phát triển vốn con người, nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội góp phần phát triển KT-XH bền vững. Do đó, PL cần có sự điều chỉnh phù hợp để đảm bảo việc ghi nhận quyền làm việc của LĐKT, đó cũng là cơ sở vững chắc, tạo hành lang pháp lý cho LĐKT có việc làm ổn định và phù hợp.

Tiểu kết chương 1

Qua Chương 1 của Luận văn, tác giả đã nêu một số vấn đề lý luận và quy định của PL đào tạo nghề cho LĐKT. Chương này đã tập trung phân tích và bình luận các nội dung sau:

Một là, xây dựng những khái niệm cơ bản, những vấn đề lý luận về ĐTN cho LĐKT.

Hai là, khái quát được những quy định PL hiện hành của Việt Nam về ĐTN cho LĐKT. Trong đó, tập trung phân tích những vấn đề: nguyên tắc, nội dung, ý nghĩa của PL về ĐTN cho LĐKT.

Những nghiên cứu ở Chương 1 là cơ sở lý luận cho việc đánh giá thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế trong Chương 2 và đưa ra các giải pháp ở Chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT, QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

2.1.1. Quy định pháp luật về cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho lao động khuyết tật

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài những chính sách được hưởng như các cơ sở GDNN khác, còn được Nhà nước hỗ trợ tài chính để đầu tư cơ sở vật chất; thiết bị đào tạo; được giao đất, cho thuê đất để xây dựng công trình sự nghiệp ở nơi thuận lợi cho việc học của NKT và các giáo viên chuyên trách dạy nghề trong các cơ sở dạy GDNN dành riêng cho NKT và giáo viên chuyên trách dạy nghề cho các lớp dạy nghề dành riêng cho NKT, được hưởng phụ cấp theo quy định.

2.1.2. Quy định pháp luật về doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Hiện nay, Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm khuyến khích DN tham gia ĐTN cho lao động khuyết tật như chế độ chính sách cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% trở lên tổng số lao động là NKT: được hỗ trợ cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp, được miễn thuế thu nhập DN, được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; được ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước và miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh; được đăng ký hoạt động GDNN để tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định cho người lao động làm việc tại DN và lao động khác; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo cho NKT vào học tập và làm việc cho DN; Các khoản chi cho hoạt động ĐTN nghiệp của DN được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của PL về thuế.

2.1.3. Quy định pháp luật về quyền được học nghề của lao động khuyết tật

Theo quy định của BLLĐ năm 2012, thì người lao động được lựa chọn nghề, học nghề tại nơi làm việc phù hợp với nhu cầu việc làm của mình.

Cụ thể Nhà nước bảo đảm để LĐKT được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác.

LĐKT tham gia học nghề còn được hưởng học bổng và trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách tín dụng giáo dục; chính sách miễn,

giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên theo quy định của Luật giáo dục. Đặc biệt, theo QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt ĐA ĐTN cho lao động nông thôn đến năm 2020, LĐKT khi tham gia ĐTN trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được miễn phí đào tạo, được hỗ trợ ăn ở đi lại.

Như vậy thông qua quyền lực của mình, Nhà nước đã ban hành những chính sách, những văn bản PL để cho LĐKT có được cơ hội được tham gia học nghề, có việc làm, bình đẳng với những người khác, tránh sự phân biệt đối xử.

2.1.4. Quy định quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Theo quy định của PLLĐ, quản lý nhà nước có thể khái quát thành các nội dung:

- Các hoạt động nghiên cứu ban hành văn bản PL, chính sách về lao động. Đây là hoạt động đóng vai trò quan trọng, có tính chất nền tảng thể hiện quyền lực Nhà nước về lao động bởi khi ban hành hệ thống văn bản phù hợp và khả thi thì mới thì mới đảm bảo việc thực hiện tốt PLLĐ trong thực tế.

- Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm PL về ĐTN cho LĐKT nhằm đảm bảo quyền lực nhà nước trong việc thực thi chính sách lao động và tăng cường pháp chế.

Đối với LĐKT, Nhà nước cần tăng cường công tác quản lý đặc biệt trong lĩnh vực ĐTN nhằm hoàn thiện chính sách, PL của Nhà nước về NKT, kêu gọi sự chung tay, sẻ chia của toàn xã hội đối với công tác ĐTN cho LĐKT, từ đó, giúp LĐKT có cơ hội có việc làm ổn định để hòa nhập với xã hội.

2.1.5. Đánh giá thực trạng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

2.1.5.1. Ưu điểm của pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Một là, PL về ĐTN cho LĐKT đã thể hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với người khuyết tật

Hai là, PL về ĐTN cho LĐKT bước đầu đã hình thành được một hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ

Ba là, nhận thức của cộng đồng về người tàn tật nói chung, LĐKT nói riêng ngày càng được nâng cao, LĐKT được các các sở GDNN, các DN quan tâm nhiều hơn.

2.1.5.2. Hạn chế pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, chưa quy định chương trình ĐTN riêng cho LĐKT.

Thứ hai, PL hiện hành chưa quy định vấn đề bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ, kiến thức kỹ năng chuyên biệt dành cho đối tượng LĐKT.

Thứ ba, quy định thời gian ĐTN, bồi dưỡng kiến thức cho lao động nói chung và LĐKT nói riêng còn ngắn, chủ yếu là đào tạo sơ cấp và dưới 3 tháng, chưa gắn với nội dung đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất.

Thứ tư, khái niệm cơ sở GDNN và cơ sở sản xuất kinh doanh cho LĐKT còn mang tính tách biệt, từ thiện.

Thứ năm, quy định về LĐKT được hưởng các chế độ ưu đãi còn hạn chế, LĐKT vẫn chưa được ĐTN miễn phí.

Thứ sáu, chưa quy định các DN phải có trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu của LĐKT.

Thứ bảy, chưa quy định các Danh mục nghề đào tạo đối với các dạng tật, danh mục đối với cơ sở đăng ký ĐTN cho LĐKT.

Thứ tám, chế tài xử lý hành vi vi phạm PL về ĐTN cho LĐKT còn thấp, nhiều chế tài chưa đủ sức răn đe

2.2. Thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.1. Tình hình người khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Theo số liệu tại cuộc Tổng điều tra về NKT tại tỉnh TT Huế được tổ chức vào năm 2015, trên địa bàn toàn tỉnh có 29.012 NKT, trong đó 16.704 NKT sống ở khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ 57,58%, 12.308 NKT sống ở khu vực thành thị, chiếm tỷ lệ 42,42%; 4.674 NKT thuộc hộ nghèo và 2.743 NKT thuộc hộ cận nghèo. Trong đó trên 5.000 NKT còn đủ sức khỏe có nhu cầu được trợ giúp về học nghề, việc làm.

2.2.2. Thực tiễn pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.2.1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Thứ nhất, hệ thống PL về ĐTN cho LĐKT đã được triển khai tại tỉnh TT Huế một cách hiệu quả.

Thứ hai, tại các cơ sở GDNN, việc ĐTN cho LĐKT từng bước được chú trọng.

Hoạt động của cơ sở GDNN đã bước đầu đáp ứng yêu cầu đặt ra của xã hội. Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh TT Huế đã thực hiện tốt PL về ĐTN cho LĐKT, từng bước góp phần xây dựng đội ngũ lao động kỹ thuật có chất lượng phục vụ cho nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương, cho nhu cầu của các DN trên địa bàn;

2.2.2.2. Doanh nghiệp đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động khuyết tật nói riêng

Thứ nhất, tại tỉnh TT Huế, các DN đã quan tâm đến hoạt động ĐTN cho LĐKT.

Thứ hai, các DN đã chú trọng mở rộng ngành nghề để LĐKT tham gia.

2.2.2.3. Thực thi quyền của lao động khuyết tật

Thứ nhất, sự bình đẳng trong ĐTN cho LĐKT

tỉnh TT Huế sẽ tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn viên việc làm cho LĐKT; tư vấn học nghề, việc làm theo khả năng của LĐKT; xây dựng và nhân rộng mô hình dạy, học nghề gắn với tạo việc làm cho LĐKT; xây dựng thí điểm mô hình phục hồi chức năng lao động cho NKT tại một xã, phường, thị trấn; Vận động thành lập một cơ sở dạy nghề cho LĐKT trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, sự hỗ trợ của Nhà nước và địa phương trong ĐTN và hỗ trợ việc làm.

Để cụ thể hóa các chính sách ĐTN cho LĐKT trên địa bàn tỉnh TT Huế, UBND tỉnh đã ban hành QĐ số 2453/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt ĐA ĐTN cho lao động nông thôn tỉnh TT Huế giai đoạn 2011-2020.

Theo đó, giai đoạn 2015 – 2017, tỉnh TT Huế có 8.437 lao động nông thôn được ĐTN (trong đó có khoảng 400 LĐKT), trong đó lĩnh vực nông nghiệp đào tạo 2.197 lao động (chiếm tỷ lệ 26 %), nghề phi nông nghiệp đào tạo 6.240 lao động (chiếm tỷ lệ 74%)³.

Thứ ba, các chế độ, chính sách cho LĐKT

Trong thời gian qua, tỉnh TT Huế đã huy động, vận động các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, vận động các tổ chức kinh tế, xã hội, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân trong và ngoài nước; lồng ghép hoạt động trợ giúp NKT vào các chương trình KT-XH của địa phương. Bằng nhiều hoạt động cụ thể, tỉnh TT Huế đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan với mục tiêu giúp LĐKT được thụ hưởng đầy đủ các chính sách, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân và gia đình và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

2.2.2.4. Quản lý Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nói chung; lao động khuyết tật nói riêng

Công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, thanh tra công tác đào tạo nghề; truyền thông tuyên truyền thông tin, tư vấn về học nghề và việc làm được quan tâm đẩy mạnh; đã tổ chức nhiều phiên giao dịch việc làm - dạy nghề tại các huyện, thị xã và thành phố Huế nhằm giúp

³ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh TT Huế, Báo cáo thống kê công tác ĐTN cho lao động nông thôn giai đoạn 2015 - 2017

cho lao động nông thôn tiếp cận các chính sách PL về việc làm, dạy nghề; tiếp cận các cơ sở GDNN và các DN để học nghề và tìm việc làm. Ngoài ra, tỉnh TT Huế đã ban hành các chính sách hỗ trợ, ưu đãi dành cho NKT trong việc học nghề và tìm kiếm việc làm

2.2.2.5. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Thứ nhất, tỉnh TT Huế chưa có nhiều văn bản hướng dẫn đặc thù của tỉnh điều chỉnh về ĐTN cho lao động khuyết tật. Chính sách về hỗ trợ ĐTN, giải quyết việc làm cho LĐKT tại tỉnh TT Huế hiện còn đang gặp nhiều khó khăn về cơ chế, công tác tham mưu chỉ đạo.

Hai là, công tác ĐTN nói chung, ĐTN cho LĐKT tại các DN

Các DN còn thiếu thông tin về cơ chế, chính sách, cơ chế lợi ích khi tham gia ĐTN. Ngoài ra khung pháp lý về trách nhiệm và quyền lợi của DN trong hoạt động ĐTN chưa được áp dụng trong thực tiễn; thiếu các chế tài trong tuyển dụng, sử dụng lao động qua ĐTN của DN; nhiều DN chỉ muốn tuyển lao động phổ thông, không qua ĐTN một phần vì tính chất công việc của sản xuất, phần khác vì người lao động qua đào tạo thì phải trả lương cao;

Ba là, công tác đảm bảo quyền học nghề cho LĐKT

Các ngành nghề đào tạo cho LĐKT chưa phù hợp với thị trường lao động, chủ yếu đào tạo ngắn hạn, chưa chú trọng đào tạo văn hóa, chuyên môn kỹ thuật; mối quan hệ giữa DN và các cơ sở GDNN trên địa bàn trong việc ĐTN cho LĐKT để vào làm việc tại DN vẫn chưa chặt chẽ; Ngoài ra, công tác ĐTN còn phải lồng ghép với các chương trình hay DA khác...

Bốn là, quản lý nhà nước về ĐTN cho LĐKT

Mặc dù đã có sự nỗ lực từ phía các cơ quan địa phương, nhưng những văn bản hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện vẫn chưa đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng học nghề của LĐKT; chưa kịp thời giúp các cơ sở GDNN, các DN tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực thi PL về ĐTN.

Tiểu kết Chương 2

Qua phân tích pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã cho thấy Đảng và Nhà nước ta trong thời gian qua đã có sự quan tâm rất lớn trong công tác đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.

Nhà nước đã dần hoàn thiện các chính sách, pháp luật nhằm đảm bảo cho lao động khuyết tật được tham gia vào quan hệ lao động một cách bình đẳng bằng cách chuẩn bị cho họ “hành trang” tốt nhất, đó là nghề và kỹ năng nghề, từ đó góp phần giải quyết việc làm bền vững cho lao động khuyết tật, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật cũng như thực tiễn thực thi các quy định pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật cả nước nói chung và địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng vẫn còn những hạn chế nhất định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nhìn chung vẫn xuất phát từ chính sách, pháp luật Nhà nước, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước, các cơ sở tham gia đào tạo nghề, người sử dụng lao động và chính bản thân lao động khuyết tật.

Do đó, yêu cầu đặt ra là cần hoàn thiện các quy định của pháp luật cũng như thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, tạo điều kiện cho họ và các chủ thể liên quan trong công tác đào tạo nghề phát triển toàn diện hơn, khẳng định sự đúng đắn trong các đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta.

Chương 3

YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT

3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, khắc phục những hạn chế, bất cập trong các quy định PL về đào tạo nghề cho LĐKT

Thứ hai, bảo đảm phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

3.2. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, cần thể chế hóa đầy đủ và toàn diện các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho LĐKT nói riêng.

Thứ hai, hoàn thiện PL về đào tạo nghề cho LĐKT phải tạo hành lang pháp lý minh bạch, đảm bảo tính khả thi của các quy định về đào tạo nghề

Thứ ba, hoàn thiện PL về đào tạo nghề cho LĐKT phải đảm bảo tính thống nhất với việc hoàn thiện các chế định khác của Bộ luật Lao động và các văn bản PL liên quan đến NKT

Thứ tư, hoàn thiện PL về đào tạo nghề cho LĐKT phải phù hợp với xu thế hội nhập và thị trường lao động khu vực và quốc tế

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, PL cần quy định chương trình đào tạo nghề riêng cho LĐKT phù hợp với khả năng, đặc điểm tâm sinh lý của LĐKT và điều kiện thực hiện của mỗi cơ sở đào tạo nghề, DN đào tạo nghề cho LĐKT.

Thứ hai, PL cần quy định một chương trình đào tạo, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức chuyên biệt cần thiết chuẩn cho LĐKT và cần quy định một cách thống nhất tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và các kiến thức cần thiết cho các ngành nghề.

Thứ ba, PL cần sử dụng khái niệm cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT và luật hoá các tiêu chí về cơ sở DN và cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động NKT.

Ngoài ra, PL cần cụ thể hoá các loại hình và mức độ tham gia của các DN trong hoạt động đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho

LĐKT nói riêng, cụ thể hoá các vấn đề đối với DN có cơ sở đào tạo nghề, DN vừa kinh doanh vừa tham gia đào tạo nghề hay DN chỉ tham gia hoạt động kinh doanh và có nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của quá trình toàn cầu hoá trong giai đoạn hiện nay

Thứ tư, nhà nước cần quy định chế độ miễn, giảm học phí đối với lao động là NKT được học nghề, bổ túc nghề, đào tạo lại nghề tại các cơ sở GDNN.

Thứ năm, PL cần có chính sách hỗ trợ việc đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học nghề, đào tạo nghề cho lao động tại các DN để khuyến khích các DN này tham gia đào tạo nghề cho LĐKT.

Thứ sáu, nhà nước cần bổ sung quy định các danh mục nghề đào tạo đối với các dạng tật, danh mục đối với các cơ sở đăng ký đào tạo nghề cho LĐKT. Với việc ban hành các danh mục nghề đào tạo đối với các dạng tật, danh mục đối với các cơ sở đăng ký đào tạo nghề cho LĐKT, nhà nước đã mở ra nhiều cơ hội lựa chọn các ngành nghề đào tạo cho LĐKT.

Thứ bảy, PL cần tăng mức chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm về đào tạo nghề và thực hiện các biện pháp xử phạt bổ sung đối với quan hệ đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho LĐKT nói riêng.

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.4.1. Nhóm các giải pháp về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Thứ nhất, tỉnh TT Huế cần xây dựng chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở GDNN, DN tuyển LĐKT vào học nghề; khuyến khích các cá nhân, tổ chức thành lập cơ sở GDNN dành cho NKT.

Thứ hai, việc xây dựng chương trình giảng dạy riêng cho LĐKT phải được tỉnh quan tâm, đầu tư.

Thứ ba, cần nâng mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐKT lên bằng hoặc sát với mức hỗ trợ theo quy định

Thứ tư, cần nâng mức phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo dạy nghề cho LĐKT đặc biệt tăng mức phụ cấp lưu trú, công tác phí cho các nhà giáo tham gia đào tạo nghề cho LĐKT tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn như huyện Nam Đông, huyện A Lưới, các xã bãi ngang, ven biển của tỉnh TT Huế.

Thứ năm, cần bố trí nguồn vốn từ Ngân sách địa phương để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho các nhà giáo tham gia đào tạo nghề cho LĐKT để những nhà giáo này đạt chuẩn theo quy định.

3.4.2. Nhóm các giải pháp về các doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, cần đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về cơ chế, chính sách, lợi ích của DN khi tham gia đào tạo nghề cho LĐKT như các chính sách miễn giảm thuế thu nhập, vay vốn với lãi suất thấp, được ưu tiên cho thuê đất...

Thứ hai, khuyến khích, vận động các công ty, DN, xí nghiệp, nhà máy... tiếp nhận LĐKT vào học nghề và làm việc;

Thứ ba, cần có chính sách thu hút và khuyến khích DN trong hoạt động ĐTN nói chung, đào tạo nghề cho LĐKT nói riêng như tỉnh cần mở rộng cơ hội cho DN thành lập trường nghề;

Thứ tư, cần có cơ chế, chính sách trong việc phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết việc đào tạo với sử dụng lao động, đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống giáo dục nghề nghiệp hướng vào việc đáp ứng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm

Thứ năm, đẩy mạnh việc mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chương trình, giáo trình giảng dạy

3.4.3. Nhóm các giải pháp về đảm bảo quyền học nghề của lao động khuyết tật

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến LĐKT;

Thứ hai, cần có sự phân loại, đánh giá, dự báo số LĐKT theo mức độ, dạng tật, khả năng học nghề để tiến hành xây dựng danh mục nghề phù hợp với khả năng học nghề, yêu cầu của nghề nghiệp tương lai.

Thứ ba, cần có chính sách nhằm đẩy mạnh việc kết nối, hợp tác chặt chẽ, lâu dài, thường xuyên giữa các cơ sở GDNN đào tạo nghề cho LĐKT và các doanh nghiệp nhằm tăng cơ hội học nghề, việc làm cho LĐKT.

Thứ tư, cần tăng cường nguồn lực địa phương cũng như các nguồn vốn của Trung ương bố trí cho địa phương (chủ yếu là nguồn vốn được bố trí từ Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) cho hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề và công tác đào tạo nghề cho LĐKT.

Thứ năm, cần có chính sách nhằm đẩy mạnh việc nâng cao trình độ văn hoá cho LĐKT.

3.4.4. Nhóm các giải pháp về quản lý nhà nước đối với đào tạo nghề cho lao động khuyết tật

Thứ nhất, ngành Lao động - TBXH cần phải tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền cho cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp và LĐKT đặc biệt là công tác tư vấn, hướng nghiệp phải đi trước một bước để họ tự nguyện tham gia mạnh mẽ hơn trong công tác đào tạo nghề cho LĐKT; tiếp tục rà soát những văn bản pháp luật, những chính sách không phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương để có những kiến nghị, đề xuất hủy bỏ, thay thế, bổ sung các chính sách cho phù hợp với công tác đào tạo nghề cho LĐKT trên địa bàn.

Thứ hai, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền một cách quyết liệt, sâu sát và có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm, cũng như cơ chế phối hợp chặt chẽ trong thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn (trong đó, LĐKT thuộc nhóm các đối tượng được ưu tiên hỗ trợ chi phí đào tạo)

Thứ ba, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của nhà giáo và cán bộ quản lý hoạt động đào tạo nghề cho lao động khuyết tật.

Thứ tư, tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động đào tạo nghề cho LĐKT; hoạt động đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất của các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho LĐKT.

Thứ năm, cần phải cần tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình xử lý vi phạm hành chính về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Nghị định số 95/2013/NĐ-CP và Nghị định số 88/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh TT Huế để giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tế thi hành, góp phần hoàn thiện PL xử lý vi phạm hành chính về an toàn, vệ sinh lao động.

Tiểu kết chương 3

Như vậy, có thể khẳng định, pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và công bằng của các chủ thể tham gia quan hệ đào tạo nghề.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh về pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật chưa đầy đủ và còn một số vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng vào thực tiễn.

Do đó, vấn đề hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền lợi của lao động khuyết tật. Hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật nhằm khắc phục những hạn chế của pháp luật hiện hành về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật và đáp ứng quá trình toàn cầu hóa trong giai đoạn hiện nay.

Ở Chương 3 luận văn, tác giả đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật được đưa ra có tính tổng thể, cơ bản liên quan đến vai trò của nhà nước, sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước đối với lao động khuyết tật, mở rộng cơ hội cho lao động khuyết tật được học nghề, tạo việc làm cho lao động khuyết tật, đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật đào tạo nghề, nâng cao nhận thức xã hội đối với người khuyết tật... và những giải pháp trong việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế*” có ý nghĩa hết sức đặc biệt cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Luận văn đã phân tích vấn đề đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại Việt Nam dưới ba vấn đề: Chính sách, pháp luật và thể chế. Từ việc phân tích, tìm hiểu để phát hiện ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện chính sách, pháp luật và thể chế của Việt Nam.

Bên cạnh việc phân tích pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật, luận văn đồng thời nêu rõ thực trạng thực thi pháp luật đào tạo nghề cho lao động khuyết tật tại tỉnh Thừa Thiên Huế để từ đó đưa ra những giải pháp có thể áp dụng hiệu quả tại tỉnh Thừa Thiên Huế, phù hợp thực tiễn kinh tế - xã hội của địa phương.

Kết thúc luận văn này, tác giả hi vọng những giải pháp mà tác giả đưa ra sẽ đóng góp hữu ích trong việc hoàn thiện sửa đổi chính sách, pháp luật và cơ chế thực thi quyền tham gia học nghề của lao động khuyết tật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2. Quốc hội (2010), Luật người khuyết tật
3. Quốc hội (2012), Bộ luật Lao động
4. Quốc hội (2012), Luật xử lý vi phạm hành chính
5. Quốc hội (2014), Luật Giáo dục nghề nghiệp
6. Quốc hội (2014), Luật doanh nghiệp
7. Chính phủ (2012), Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.
8. Chính phủ (2012), Quyết định 1019/2012/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 phê duyệt Đề án “Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020”
9. Chính phủ (2013), Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/08/2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
10. Chính phủ (2015), Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 95/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2013
11. Chính phủ (2015), Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm
12. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng
13. Chính phủ (2015), Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 9/11/2015 quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo
14. Chính phủ (2016), Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN
15. Chính phủ (2017), Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động – Thương binh và Xã hội
16. Bộ Tài chính - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2013), Thông tư Liên tịch số 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện ĐA trợ giúp NKT giai đoạn 2012 – 2020

17. UBND tỉnh TT Huế (2015), Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 về việc quy định mức chi phí dạy nghề cho NKT trên địa bàn tỉnh TT Huế
18. Quốc hội Philippin (1974), Bộ Luật lao động
19. Tổ chức lao động quốc tế (1990), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật
20. Quốc hội Anh (1992), Đạo luật chống phân biệt đối xử với người khuyết tật
21. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2009), *Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*, Hà Nội
22. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế (2009), *Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020*, TT Huế.
23. UBND tỉnh TT Huế (2011), *Quyết định về việc ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 – 2015*, TT Huế
24. UBND tỉnh TT Huế (2012), Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 16/11/2012 về việc triển khai ĐA trợ giúp NKT giai đoạn 2012 - 2020, TT Huế
25. TS. Đào Mộng Điệp, “*Pháp luật về đào tạo nghề và thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế, năm 2015 – 2016.
26. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh TT Huế (2017), Báo cáo thống kê công tác đào tạo nghề tại doanh nghiệp giai đoạn 2014 đến 2017, TT Huế
27. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế (2017), Tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế và kết quả thực hiện công tác dạy nghề, việc làm, xuất khẩu lao động, TT Huế
28. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh (2018), Báo cáo công tác cho vay vốn sản xuất kinh doanh đối với lao động khuyết tật từ Quỹ Quốc gia về việc làm giai đoạn 2015 – 2017, TT Huế
29. Nguyễn Trung Thành (2016), Chính sách giáo dục trẻ khuyết tật – Thực trạng và đề xuất hoàn thiện, Nguồn: <http://recese.vnies.edu.vn> (truy cập ngày 09/8/2016)
30. TS. Vũ Xuân Hùng (2017), Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 – Thách thức lớn đối với thị trường lao động, Nguồn: <http://www.nhandan.com.vn>, truy cập ngày 01/01/2017
31. Thanh Nhung (2017), Lao động cả nước năm 2017 ước đạt 54,8 triệu người, Nguồn: <https://baomoi.com>, truy cập ngày 30/12/2017

32. Hải Hà (2017), Biểu dương hơn 100 doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động là người khuyết tật, Nguồn: <https://baodautu.vn>, truy cập ngày 30/11/2017
33. Hà Giang (2017), Thừa Thiên Huế: Phần đầu 100 người khuyết tật nặng được hưởng các chính sách theo quy định, Nguồn: <http://laodongxahoi.net>, truy cập ngày 26/6/2017
34. Minh Hiền (2018), Trên 5 tỷ đồng trợ giúp người khuyết tật, Nguồn: <http://baothuathienhue.vn>, truy cập ngày 14/8/2018